

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS - PT
Ngày 22-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Ông Trương Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn T– sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: UBND xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Tất V - sinh năm 1973(Có mặt)

Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L- huyện Hậu Lộc- tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Minh S– sinh năm 1958 (Có mặt) (Nguyên chủ tịch UBND xã L), địa chỉ: thôn V, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Đỗ Tất S – Sinh năm 1967 (Nguyên kế toán xã L) (Có mặt), địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị H– sinh năm 1982 (Thủ quỹ xã L) (Có mặt), địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Nguyễn Trọng D– Giám đốc Công ty X, (Vắng mặt), địa chỉ: thôn X, xã L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người làm chứng: Thanh tra huyện Hậu Lộc, Đại diện: Ông Bùi Văn N - Chánh thanh tra (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ ông Trương Văn T trình bày:

Ngày 01/01/2009 và ngày 30/6/2009 UBND xã L do ông Trịnh Minh S (Chủ tịch xã là chủ tài khoản) và ông Đỗ Tất S (kế toán Ngân sách xã), bà Nguyễn Thị H (Thủ quỹ xã) có ký hợp đồng vay của gia đình ông số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi xuất theo Ngân hàng, hạn trả nợ vào ngày 30/12/2009.

Đến hạn trả nợ, ông đến xã để hỏi tiền lo công việc gia đình thì ông Trịnh Minh S trả lời chưa có nguồn thu để trả và khất nợ. Đến nay UBND xã L vẫn chưa trả nợ cho ông.

Do đó ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc buộc UBND xã L phải trả cho ông 240.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi xuất của ngân hàng. Ông T khẳng định giữa ông và UBND xã L chỉ ký kết 02 hợp đồng vay nợ với số tiền 240.000.000đ, ngoài ra không còn hợp đồng nào khác. Ông cũng rút yêu cầu việc được đổi chất giữa ông với ông Nguyễn Trọng D.

Bị đơn UBND xã L đại diện theo pháp luật ông Đỗ Tất V trình bày: Ông mới được Ban thường vụ huyện Ủy bổ nhiệm làm Chủ tịch UBND xã L từ ngày 07/12/2018 đến nay. Khi nhận bàn giao không có khoản nợ của Trương Văn T. Từ 2010 đến nay UBND xã L đã thay đổi nhiều lần Chủ tịch UBND và kế toán xã. Do đó ông đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận thanh tra của Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phần trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ như sau:

* Ông Trịnh Minh S trình bày: Ông thừa nhận có ký vào hai hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2009 và ngày 30/6/2009 của ông Trương Văn T, tổng hai hợp đồng vay là 240.000.000đ có viết phiếu thu. Các giấy tờ vay, phiếu thu đều có chữ ký của Chủ tài khoản, Kế toán, Thủ quỹ. Thực tế số tiền trên là UBND xã L nợ Công ty X, chuyển nợ tiền mua vật liệu cho ông Trương Văn T. Thanh tra huyện Hậu Lộc đã thanh tra, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc quyết định UBND xã L không có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông Trương Văn T, vì giá trị công trình đường giao thông nông thôn được hợp đồng với Công ty X do ông Nguyễn Trọng D làm giám đốc đã thanh toán xong. Đối với số tiền 20.000.000đ trong tổng số 240.000.000đ ông T yêu cầu đã được giải quyết tại bản án số: 08/2017/DSST ngày 17/4/2017 đã có hiệu lực pháp luật buộc ông Đỗ Tất S phải trả cho ông Trương Văn T 20 triệu đồng, trong tổng số 43 triệu ông Sơn phải trả cho ông T theo bản án thực tế hai khoản tiền này là một. Đề nghị Tòa án xem xét.

* Ông Đỗ Tất S trình bày: UBND xã L có hợp đồng vay tiền và lên phiếu thu đối với ông Trương Văn T số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Thực tế số tiền trên UBND xã L đã ghi chi, ghi thu 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó chỉ có 20.000.00đ (Hai mươi triệu đồng) tiền mặt, tôi là người trực tiếp vay của ông T để chi trả nợ cho ông Trương Văn T1 và ông Đỗ Tất H là công dân xã L mỗi người 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tu sửa trường tiểu học và trường mầm non của xã, còn số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) là hình thức ghi chi, ghi thu để chuyển nợ. Nhưng số tiền 220.000.000đ đã bị Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc xuất toán vì ghi thu, ghi chi trái nguyên tắc tài chính kế toán.

* Bà Nguyễn Thị Hthủ quỹ xã L trình bày: UBND xã L có lập 02 hợp đồng vay tiền và lên phiếu thu ngày 30/6/2009 số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) với ông Trương Văn T. Thực tế ông T không đem tiền mặt đến giao cho UBND xã vay, mà số tiền đó được ghi chi, ghi thu số chứng từ 105 ngày 30/6/2009 số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) là phiếu chi có chữ ký người nhận tiền của ông Trương Văn T. Nhưng số tiền nợ của ông T đã bị xuất toán nên UBND xã không nợ ông T (Thanh tra công trình làm đường giao thông nông thôn giữa UBND xã với công ty X).

* Đối với ông Nguyễn Trọng D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: Tại bản tự khai ngày 24/02/2017 ông Nguyễn Trọng D- Giám đốc công ty X Trình bày: Năm 2004 công ty có hợp đồng làm đường nông thôn với UBND xã L, huyện Hậu Lộc (hợp đồng, hồ sơ UBND xã L giữ). Trong thời gian làm công trình, công ty có quyết định cho ông Trương Văn T làm Phó giám đốc và trưởng ban thu nợ các công trình, trong đó có xã L, xã T, xã M, xã N ... của huyện Hậu Lộc. Các thủ tục nhận tiền, giấy ủy quyền hiện nay ông không còn lưu giữ. Việc thanh quyết toán công trình L hiện nay ông cũng không nhớ còn lại thế nào.

Trong thời gian làm công trình, Công ty có mua vật tư của ông Trương Văn T số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), ông đã thanh toán trả cho ông T trực tiếp nhận tiền mặt tại Kho bạc công trình xã T, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*Người làm chứng: Thanh tra huyện Hậu Lộc trình bày: Thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện về giải quyết đơn tố cáo của công dân xã L. Đoàn thanh tra đã thu thập chứng cứ và tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc ban hành kết luận số: 134/KL-UBND ngày 24/12/2010 nội dung như sau:

Giảm giá trị công nợ phải trả công trình đường giao thông tuyến (1+2), tuyến làng mới L số tiền 425.000.000đ (Bốn trăm hai lăm triệu đồng), cho các đơn vị thi công (Công ty X do ông Nguyễn Trọng D làm giám đốc).

Việc ghi thu, ghi chi số tiền 425.000.000đ để chuyển nợ phải trả của Công ty X, sang nợ phải trả của ngân sách xã L là sai nguyên tắc tài chính ngân sách. Xuất toán chứng từ ghi thu, ghi chi số tiền 425.000.000đ, đồng thời không chấp nhận công nợ phải trả của NSX L, cho các cá nhân được công ty X chuyển nghĩa vụ trả nợ cho ngân sách xã L bằng bút toán ghi chi, ghi thu. Tại biên bản làm việc ngày 28/9/2009 giữa đoàn thanh tra với UBND xã L và ông Trương Văn T đã làm rõ và xác nhận: Phiếu chi số 105 ngày 30/6/2009, tên người nhận tiền Nguyễn Trọng D, địa chỉ Công ty X, lý do chi tiền chi trả tiền xây dựng đường giao thông tuyến I số tiền 350.000.000đ, trong đó ông D trả cho ông Trương Văn T 220.000.000đ; ông Đỗ Tất H 10.000.000đ; ông Đỗ Mạnh H 45.000.000đ; bà Vũ Thị L 75.000.000đ, là phiếu chi trả cho ông Nguyễn Trọng D nhưng chữ ký nhận tiền ở phiếu chi này là ông Trương Văn T và thực tế ông Toàn công nhận chưa nhận số tiền này ra khỏi quỹ mà chỉ ghi chi, sau đó ghi thu UBND xã L lập hợp đồng vay lại toàn bộ số tiền trên.

Tại Bản án số 31/2018/DS-ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã quyết định:

Áp dụng Điều 471; Điều 474; 476 khoản 2 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, Khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 QH 14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

Buộc UBND xã L phải trả cho ông Trương Văn T, Tiền gốc: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND xã L phải trả cho ông Trương Văn T số tiền 220.000.000đ và các khoản tiền lãi vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 27/12/2018, nguyên đơn là ông Trương Văn T kháng cáo, với nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị

HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo:

Phiếu chi ngày 30/6/2009 (BL 31), họ tên người nhận tiền là ông Nguyễn Trọng D là giám đốc Công ty X, nhưng người nhận tiền lại là ông Trương Văn T, số tiền 350.000.000đ, phiếu chi này dựa trên đề nghị thanh toán của ông Nguyễn Trọng D, lý do thanh toán tiền công trình đường giao thông xã L. Trong đó chuyển trả nợ ông Trương Văn T 220.000.000đ (BL 30).

Ngày 02/7/2009 giữa UBND xã L và Công ty X do ông Nguyễn Trọng D- Giám đốc bà Vũ Thị U- Kế toán có thống nhất về bảng tổng hợp thanh toán, trong đó có khoản tiền 220.000.000đ tiền vật tư trả cho ông Toàn (BL 122, 123).

Như vậy, khoản tiền 220.000.000đ thể hiện trong phiếu thu số 15 ngày 30/6/2009 mà UBND xã L ghi thu số tiền 240.000.000đ có liên quan giữa UBND xã L- Công ty X và ông Trương Văn T.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trịnh Minh S- Chủ tài khoản, ông Đỗ Tất S- Kế toán, chị Nguyễn Thị H- Thủ quỹ đều khẳng định không có việc ngày 30/6/2009 ông Toàn cầm 240.000.000đ tiền mặt giao cho UBND xã L vay mà chỉ có 20.000.000đ tiền mặt (Do ông Đỗ Tất S kế toán xã vay của ông T ngoài trụ sở UBND xã), còn 220.000.000đ UBND xã có ghi chi, ghi thu (hình thức chuyển nợ) nhưng đây là khoản tiền nợ do làm đường giao thông của xã với công ty X.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/02/2017 (BL 176,177) có mặt ông Trương Văn T và ông Nguyễn Trọng D trình bày “ *Tôi có ký hợp đồng với UBND xã L làm công trình giao thông cho xã, tôi làm giám đốc, tôi có bổ nhiệm cho anh Toàn làm phó giám đốc, nhưng không lưu giấy tờ gì. Tôi có ủy quyền cho anh Toàn đòi nợ UBND xã L số tiền 220.000.000đ là tiền vật tư của ông Toàn. Nhưng không có tiền thanh toán cho ông Toàn nên tôi chuyển nợ số tiền 220.000.000đ cho UBND xã L*”. Mặc dù ông D khai là hình thức chuyển nợ nhưng ông T vẫn không có ý kiến gì.

Mặt khác, tại biên bản làm việc giữa đoàn thanh tra huyện Hậu Lộc với UBND xã L và ông Trương Văn T ngày 28/9/2010 (BL340) nội dung như sau: Làm rõ số tiền chi tại phiếu chi số 105 ngày 30/6/2009 350.000.000đ. Trong đó

thanh toán cho ông Trương Văn T 220.000.000đ; 10.000.000đ là của ông Đỗ Tất H; 75.000.000đ là của bà Vũ Thị L; 45.000.000đ là của ông Đỗ Mạnh H vay lãi hộ. Ông Trương Văn T công nhận chưa nhận số tiền ra khỏi quỹ mà chỉ ghi chi, ghi thu sau đó UBND xã hợp đồng vay lại toàn bộ số tiền trên hình thức chuyển nợ. Đoàn thanh tra yêu cầu ông Trương Văn T cung cấp hợp đồng vay nợ giữa ông và UBND xã L cho đoàn thanh tra trước ngày 29/9/2010 nhưng ông T chưa giao nộp.

Tại mục 4 phần II kết luận số 134/KL-UBND ngày 24/12/2010 do Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc ban hành nội dung như sau: “ Việc ghi thu, ghi chi số tiền 425.000.000đ để chuyển nợ phải trả công ty X sang nợ phải trả của ngân sách xã L là sai nguyên tắc tài chính ngân sách. Xuất toán chứng từ ghi thu, ghi chi số tiền 425.000.000đ, đồng thời không chấp nhận công nợ phải trả của NSX L cho các cá nhân đã cho công ty X vay...”.

Tại công văn số 796/CV-UBND ngày 27/8/2018 của UBND huyện Hậu Lộc xác định trong tổng số tiền 425.000.000đ bị đoàn thanh tra kết luận xuất toán có cả các khoản nợ của UBND xã L với tập thể và các cá nhân.

Từ phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn T buộc UBND xã L phải trả cho ông 220.000.000đ.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của BLTTDS.

* Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 427; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn T, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

Buộc UBND xã L phải trả cho ông Trương Văn T, Tiền gốc: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu UBND xã L phải trả cho ông Trương Văn T số tiền 220.000.000đ và các khoản tiền lãi.

2. Án phí DSPT: Ông Trương Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ ông Toàn đã nộp theo biên lai thu số 5378 ngày 28/12/2018 của Chi cục THADS huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Ông Toàn đã nộp đủ án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy